

Bản án số: 389/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly  
hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Việt Hòa**

Bà **Vũ Thị Dung**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Văn Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 290/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Bích P**, sinh năm 1991;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Khu dân cư V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương**; Nơi cư trú hiện tại: **Đài Loan** (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người được chị **P** ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1992; địa chỉ: **A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương** (vắng mặt);

- Bị đơn: Anh **Mạc Văn Q**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: **Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương**;

- Người làm chứng: Ông **Mạc Văn N**, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: **Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương**).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị Bích P** trình bày: Chị và anh **Mạc Văn Q** kết hôn trên cơ

sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 14/12/2012.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 10/2024, anh Q đi lao động tại Đài Loan, từ đó mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau, lại bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc chi tiêu, chăm sóc con cái. Năm 2017, anh Q về nước nhưng không phụ giúp chị nuôi hai con, toàn bộ chi phí trong gia đình, chị đều tự chi trả. Tháng 4/2024 vợ chồng sống ly thân, tháng 6/2024 chị đi lao động tại Đài Loan, kể từ khi sang Đài Loan, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng chị liên lạc về gia đình nhưng cũng chỉ liên lạc với các con, không liên lạc với anh Q. Mặc dù hai bên gia đình rất cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mạc Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mạc Thành L, sinh ngày 07/6/2014 và Mạc Minh H, sinh ngày 24/8/2018, hiện các con đang ở với anh Mạc Văn Q. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên. Tuy nhiên, hiện tại chị đang lao động ở Đài Loan, các con đang do anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung nên chị nhất trí giao cả hai con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Q tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai, anh Mạc Văn Q trình bày: Điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn giữa anh và chị P đúng như chị P đã trình bày. Sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình diễn ra bình thường, năm 2014 anh đi lao động tại Đài Loan đến năm 2017 thì về nước ở hẳn. Đầu năm 2024 chị P muốn đi lao động tại Đài Loan, nhưng anh không đồng ý vì anh biết cuộc sống ở Đài Loan phức tạp, tuy nhiên chị P vẫn đi, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và chị P có đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh không mong muốn vợ chồng ly hôn nhưng chị P vẫn cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị P, bản thân anh không có biện pháp nào để níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị P trình bày là đúng. Anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng, ông Mạc Văn N trình bày: Ông là bố đẻ của anh Q, là bố chồng của chị P. Sau khi kết hôn, chị P, anh Q chủ yếu chung sống với nhau tại gia đình chị P, cuối tuần vợ chồng con cái về gia đình ông. Quá trình chung sống anh Q có 3 năm đi lao động tại Đài Loan, anh biết cuộc sống ở nước ngoài phức tạp nên không nhất trí cho chị P đi nhưng chị P vẫn cương quyết đi lao động tại Đài Loan, do đó vợ chồng xảy ra xô xát. Từ khi đi cho đến nay, chị P không liên lạc về cho gia đình ông và anh Q, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị P có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị P và anh Q là cháu Mạc Thành L có nguyện vọng được ở với anh Q.

Người được chị P ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị P, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị P biết, chị P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Bùi Thị Bích P ly hôn anh Mạc Văn Q; về con chung: Giao con chung Mạc Thành L và Mạc Minh H cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Bùi Thị Bích P** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khu dân cư **V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương**, hiện chị đang làm việc, sinh sống tại **Đài Loan**; bị đơn anh **Mạc Văn Q** có địa chỉ cư trú tại **thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị **P** không có mặt ở Việt Nam nhưng trước khi đi nước ngoài chị đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh **Nguyễn Ngọc T** nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được **UBND xã N** xác nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị **P** giao nộp đúng là ý chí, nguyện vọng của chị **P**. Chị **P** có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh **Q** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Bích P** và anh **Mạc Văn Q** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương** ngày 14/12/2012 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị **P**, anh **Q**, có đủ cơ sở xác định trong cuộc sống chị **P** và anh **Q** có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống bất đồng chị **P** muốn đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình nhưng anh **Q** không đồng ý, từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau và sống ly thân nhau. Nay chị **P** xin ly hôn, anh **Q** không mong muốn ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị **P**. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **P** và anh **Q** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **P**, xử cho chị **P** được ly hôn anh **Q**.

[2.2] Về quan hệ con chung: Cháu **Mạc Thành L**, sinh ngày 07/6/2014 và **Mạc Minh H**, sinh ngày 24/8/2018 là con chung của chị **P** và anh **Q**, hiện đang ở với anh **Q**. Chị **P** và anh **Q** thống nhất giao cả hai con chung cho anh **Q** chăm sóc, nuôi dưỡng và anh **Q** tự nguyện không yêu cầu chị **P** phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung. HĐXX thấy thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con nên căn cứ quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận thỏa thuận của chị **P**, anh **Q**, giao con chung **Mạc Thành L** và **Mạc Minh H** cho anh **Q** chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh **Q** không yêu cầu chị **P** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **P**, anh **Q** cùng xác định không có và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị **P** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị Bích P**, xử cho chị **Bùi Thị Bích P** ly hôn anh **Mạc Văn Q**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh **Mạc Văn Q** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Mạc Thành L**, sinh ngày 07/6/2014 và **Mạc Minh H**, sinh ngày 24/8/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh **Q** về việc không yêu cầu chị **P** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị **Bùi Thị Bích P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị Bích P** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000753 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh **Nguyễn Ngọc T** nộp thay), chị **P** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Bùi Thị Bích P** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; anh **Mạc Văn Q** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Hương Nhu**